

Số: 11 /NQ-HĐND

Yên Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ sung, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ YÊN HÒA
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 29/12/2026 của Hội đồng nhân dân xã về việc phân bổ dự toán thu chi NSNN năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 506/QĐ-UBND ngày 01/3/2026 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của các cơ quan, đơn vị, địa phương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 455/TTr-UBND ngày 20/3/2026 của UBND xã về việc xem xét, quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2026, Báo cáo thẩm tra số 19/BC-HĐND ngày 24/3/2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách, ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung, điều chỉnh Dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 như sau:

Đvt: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh
A	DỰ TOÁN THU NSNN	216.337	4.111	220.448
I	Thu ngân sách nhà nước	216.337	4.111	220.448
II	Thu cân đối NSX hưởng	191.098,9	4.111	195.209,9
1	Thu ngân sách trên địa bàn	43.761,9		43.761,9
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	147.337	4.111	151.448
2.1	Bổ sung cân đối	114.760	-71	114.689
2.2	Bổ sung có mục tiêu	32.577	4.182	36.759

B	DỰ TOÁN CHI NSNN	191.098,9	4.111	195.209,9
1	Chi đầu tư phát triển	39.239,4		39.239,4
2	Chi thường xuyên	149.562,5	4.111	153.673,5
3	Dự phòng ngân sách	2.297		2.297

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết:

a. Điều chỉnh chi tiết nhiệm vụ chi cho các đơn vị dự toán thuộc xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

b. Các nội dung còn lại không điều chỉnh tại Nghị quyết này tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã về việc phân bổ, giao dự toán thu chi NSNN năm 2026.

c. Đối với các nhiệm vụ chi đột xuất phát sinh của các đơn vị chưa được giao trong dự toán; nguồn kinh phí chi các sự nghiệp chưa chi tiết: giao UBND xã căn cứ nguồn kinh phí và khả năng cân đối ngân sách, thống nhất với Thường trực HĐND xã để quyết định bố trí, hỗ trợ kịp thời, đảm bảo tiết kiệm hiệu quả và báo cáo HĐND xã tại kỳ họp gần nhất.

2. Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp có tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách, UBND xã báo cáo Thường trực HĐND xã thống nhất phương án phân bổ, sử dụng số tăng thu, tiết kiệm chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã khóa III, nhiệm kỳ 2026-2031, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 30 tháng 03 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- UBMTTQ xã;
- Các phòng, ban ngành, đoàn thể cấp xã;
- Các Trường học trên địa bàn xã;
- Các đơn vị sử dụng DT NS xã;
- Thuế tỉnh Hà Tĩnh;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực XII;
- Lưu: VT, VP HĐND & UBND xã;

CHỦ TỊCH



Trần Đình Hải

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ YÊN HÒA

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ YÊN HÒA NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 11 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
	Dự toán chi	191.098,900	4.111,000	195.209,900	
I	Chi đầu tư phát triển	39.239,400		39.239,400	
1	Tiết kiệm chi	1.961,970		1.961,970	
2	Chi XD CB	30.927,430		30.927,430	
3	Chi đầu tư phát triển khác	6.350,000		6.350,000	
II	Chi thường xuyên	149.562,500	4.111,000	153.673,500	
1	Chi QLNN	31.121,500		31.121,500	
1.1	Văn phòng HĐND&UBND	13.722,428		13.722,428	
1.2	Hội đồng nhân dân (hoạt động)	972,600		972,600	
1.3	Văn phòng Đảng ủy	5.718,823		5.718,823	
1.4	UB MTTQ	1.619,636		1.619,636	
1.5	Hỗ trợ tăng cường CSVC, hạ tầng	6.000,000		6.000,000	
1.6	Quỹ thi đua khen thưởng	200,000		200,000	
1.7	Dự kiến cấp bù tăng lương và quỹ lương biên chế chưa tuyển dụng	924,000		924,000	
1.8	Chưa phân bổ	1.143,013		1.143,013	
1.9	Tiết kiệm chi để CCTL	821,000		821,000	
2	Sự nghiệp KHCN	150,000		150,000	
3	Sự nghiệp quốc phòng	1.641,000		1.641,000	
4	Sự nghiệp an ninh	370,000		370,000	
5	Sự nghiệp kinh tế	17.013,000	-71,000	16.942,000	
	Giảm dự toán theo QĐ 506/Q Đ-UBND ngày 01/3/2026 của UBND tỉnh		-71,000		



STT	Nội dung	Dự toán	Điều chỉnh	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
6	Sự nghiệp môi trường	1.000,000		1.000,000	
7	Sự nghiệp VH, TT&DL	585,000		585,000	
8	Sự nghiệp đảm bảo XH	32.558,000		32.558,000	
9	Sự nghiệp y tế	3.294,000	4.182,000	7.476,000	
-	Trung tâm Y tế xã		4.182,000		
10	Sự nghiệp giáo dục	61.099,000		61.099,000	
11	Chi khác	731,000		731,000	
III	Dự phòng ngân sách	2.297,000		2.297,000	



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ YÊN HÒA

BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 11 /Tr-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2026)

ĐVT: triệu đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
	195.209,90		195.209,90
I. Các khoản xã hưởng 100%	470,00	I. Chi đầu tư phát triển	39.239,40
1. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi, công sản khác	200,00	II. Chi thường xuyên	153.673,50
2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	140,00	III. Dự phòng	2.297,00
3. Thu khác ngân sách	50,00		
4. Phí, lệ phí	80,00		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	43.291,90		
1. Thu ngoài quốc doanh	375,00		
2. Thuế thu nhập cá nhân	1.325,00		
3. Lệ phí trước bạ	2.310,00		
4. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	42,50		
5. Tiền sử dụng đất	39.239,40		
III. Thu bổ sung từ cấp trên	151.448,00		
- Bổ sung cân đối	114.689,00		
- Bổ sung có mục tiêu	36.759,00		



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ YÊN HÒA

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ YÊN HÒA NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026)

STT		Nội dung	DT trước điều chỉnh		Điều chỉnh	DT HĐND sau điều chỉnh	
			Thu nội địa	NSX hưởng		Thu nội địa	NSX hưởng
		Tổng cộng	216.337,00	191.098,90	4.111,00	220.448,00	195.209,90
I		Các khoản xã hưởng 100%	470,00	470,00		470,00	470,00
1		Thu từ quỹ đất công ích và thu mua tại, nông sản khác	200,00	200,00		200,00	200,00
2		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	140,00	140,00		140,00	140,00
3		Thu khác ngân sách	50,00	50,00		50,00	50,00
4		Phí, lệ phí	80,00	80,00		80,00	80,00
II		Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	68.530,00	43.291,90		68.530,00	43.291,90
1		Thu ngoài quốc doanh	750,00	375,00		750,00	375,00
2		Thuế thu nhập cá nhân	2.650,00	1.325,00		2.650,00	1.325,00
3		Lệ phí trước bạ	4.620,00	2.310,00		4.620,00	2.310,00
4		Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	100,00	42,50		100,00	42,50
5		Tiền sử dụng đất	60.410,00	39.239,40		60.410,00	39.239,40
III		Thu bổ sung từ cấp trên	147.337,00	147.337,00	4.111,00	151.448,00	151.448,00
1		Bổ sung cân đối	114.760,00	114.760,00	-	114.689,00	114.689,00
2		Bổ sung có mục tiêu	32.577,00	32.577,00	4.182,00	36.759,00	36.759,00

ĐVT: triệu đồng